

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc lĩnh vực Tài nguyên nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 438/QĐ-BTNMT ngày 01 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 67/TTr-STNMT ngày 15 tháng 3 năm 2023 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc lĩnh vực Tài nguyên nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc lĩnh vực Tài nguyên nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum (Có Danh mục các thủ tục hành chính kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế các thủ tục hành chính số: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 9, 16 khoản III Mục A; các thủ tục hành chính số: 1, 2 khoản II Mục B Phụ lục kèm theo Quyết định số 318/QĐ-UBND ngày

23 tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính Ngành Tài nguyên và Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính Nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (t/h);
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP (*để b/cáo*);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố (*để thực hiện*);
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Viễn Thông Kon Tum (*để phối hợp*);
- Lưu: VT, TTHCC._{LTLH}

CHỦ TỊCH

Lê Ngọc Tuấn

Phụ lục:**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

A. Thủ tục hành chính mới ban hành.

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
							Trực tiếp	Trực tuyến	BCCI
I	Lĩnh vực Tài nguyên nước								
1		Đăng ký khai thác sử dụng nước mặt, nước dưới đất	- 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ khai của tổ chức, cá nhân đối với Đăng ký khai thác sử dụng nước mặt. - 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ khai của tổ chức, cá nhân đối với Đăng ký khai thác nước dưới đất.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	- Luật tài nguyên nước 2012; - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023.	x	x	x
2		Trả lại giấy phép	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	- Luật tài nguyên nước 2012; - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023.	x	x	x

B. Thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung.

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
							Trực tiếp	Trực tuyến	BCCI
I	Lĩnh vực Tài nguyên nước								
I.1	Cấp tỉnh.								
1	1.00423 2.000.00 .00.H34	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	36 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh Kon Tum	- Luật Tài nguyên nước 2012; - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023.	x	x	x
2	1.00422 8.000.00 .00.H34	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	31 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh Kon Tum	- Luật Tài nguyên nước 2012; - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023.	x	x	x
3	1.00422 3.000.00 .00.H34	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	36 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh Kon Tum	- Luật Tài nguyên nước 2012; - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023.	x	x	x

4	1.00421 1.000.00 .00.H34	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	31 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh Kon Tum	- Luật Tài nguyên nước 2012; - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023.	x	x	x
5	1.00417 9.000.00 .00.H34	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2m ³ /giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m ³ , hoặc lưu lượng khai thác từ 2m ³ /giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m ³ , hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m ³ /ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất,	36 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh Kon Tum	- Luật tài nguyên nước 2012; - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023.	x	x	x

		kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 1.000.000 m ³ /ngày đêm							
6	1.00416 7.000.00 .00.H34	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có dung tích toàn bộ từ 20 triệu m ³ trở lên; hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ 2m ³ /giây trở lên và có dung tích toàn bộ từ 03 triệu m ³ trở lên; công trình khai thác, sử dụng nước khác cấp cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng khai thác từ 5m ³ /giây trở lên; phát điện với công suất lắp máy từ 2.000 kw trở lên; cho các mục đích khác với lưu lượng từ 50.000m ³ /ngày đêm trở lên; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất bao	31 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh Kon Tum	- Luật tài nguyên nước 2012; - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023.	x	x	x

		gồm cả nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ trên đất liền với lưu lượng từ 1.000.000 m ³ /ngày đêm							
7	1.00082 4.000.00 .00.H34	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước	<ul style="list-style-type: none"> - 16 ngày làm việc đối với Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất/khai thác, sử dụng nước dưới đất. - 16 ngày làm việc đối với Cấp lại giấy phép khai thác sử dụng nước mặt. 	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh Kon Tum	<ul style="list-style-type: none"> - Luật tài nguyên nước 2012; - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023. 	x	x	x
8	1.00174 0.000.00 .00.H34	Xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh (TIHC cấp tỉnh)	<ul style="list-style-type: none"> * Đối với các dự án không có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh: 40 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị xin ý kiến của chủ đầu tư * Đối với các dự án có chuyển nước từ nguồn 	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Kinh phí tổ chức lấy ý kiến do chủ dự án chi trả	<ul style="list-style-type: none"> - Luật tài nguyên nước 2012; - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023. 	x	x	x

			nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh: 67 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị xin ý kiến của chủ đầu tư.						
I.2	Cấp huyện								
1	1.00166 2.000.00 .00.H34	Đăng ký khai thác nước dưới đất	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ khai của tổ chức, cá nhân	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2012; - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023.	x	x	x
2	1.00164 5.000.00 .00.H34	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh	* Đối với các dự án không có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị xin ý kiến của chủ đầu tư.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Kinh phí tổ chức lấy ý kiến do chủ dự án chi trả	- Luật tài nguyên nước 2012; - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023.	x	x	x

			<p>* Đối với các dự án có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh: 40 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị xin ý kiến của chủ đầu tư.</p>						
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--